

TỜ TRÌNH
Về việc xét cấp học bổng khuyến khích học nghề
Học kỳ I Năm học 2019-2020

Kính gửi: Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-LTT-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ vào dự toán kinh phí cấp học bổng khuyến khích học nghề của phòng Kế hoạch – Tài Chính;

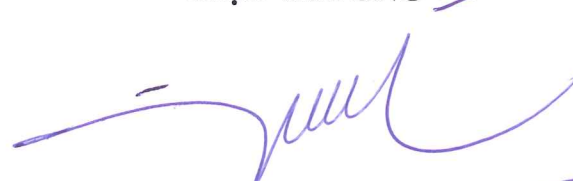
Phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên lập danh sách sinh viên toàn trường đạt tiêu chuẩn xét cấp học bổng HKI/2019-2020 dựa vào bảng tổng kết điểm của các lớp trên phần mềm của Trường. Trong đó:

Số sinh viên đạt tiêu chuẩn học bổng				Số sinh viên đề xuất xét cấp học bổng			
STT	Loại học bổng	Số lượng	Tỷ lệ %	STT	Loại học bổng	Số lượng	Tỷ lệ %
01	Xuất sắc	5	0,06%	01	Xuất sắc	5 SV 12.750.000đ	0,06%
02	Giỏi	119	1,34%	02	Giỏi	119 SV 266.125.000đ	1,34%
03	Khá	514	5,79%	03	Khá	131 SV 180.750.000đ	1,48%
Tổng cộng =		638	7,19%	Tổng cộng =		255	2,87%

Kèm theo:

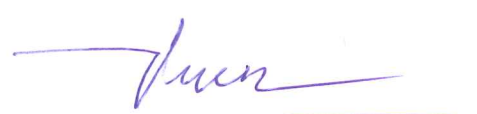
- Đề xuất phương án cấp học bổng khuyến khích học nghề cho sinh viên;
- Bảng thống kê số liệu sinh viên đủ điều kiện xét học bổng khuyến khích học nghề;
- Bảng thống kê số liệu sinh viên được xét cấp học bổng khuyến khích học nghề.

Phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên kính trình Hiệu trưởng xem xét và cho ý kiến để ban hành Quyết định cấp học bổng khuyến khích học nghề HKI/2019-2020 cho sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG 

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV


Lê Xuân Thiện


Phạm Hữu Lộc

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN
XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC NGHỀ HKI/2019-2020

Học bổng khuyến khích học nghề: HKI/2019-202 997.375.000 đồng Trong đó xét cấp = 459.625.000

I. Đối với khóa 2017, 2018, 2019 (T4) và khóa 2018, 2019 (T2)

1 . Khóa 2017T4 - Trung cấp (3N) - Tổng số = 664 Sinh viên

* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = 39 SV tỷ lệ 5,87%

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.00 điểm và rèn luyện 100 điểm = 01 SV	2.500.000
✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = 11 SV	23.375.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.30 điểm và rèn luyện ≥ 71 điểm = 06 SV	7.500.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.59 điểm và rèn luyện ≥ 91 điểm = 02 SV	2.500.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 19 SV	23.750.000
* Đề nghị xét cấp HB cho 20 SV đạt tỷ lệ 3,01 %	Số tiền được cấp = 35.875.000

Tổng cộng = 59.625.000 đồng

2 . Khóa 2018T4 - Trung cấp (3N) - Tổng số = 1182 Sinh viên

* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = 70 SV tỷ lệ 5,92%

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.00 điểm và rèn luyện ≥ 95 điểm = 03 SV	7.500.000
✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = 21 SV	44.625.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.01 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 20 SV	25.000.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.58 điểm và rèn luyện ≥ 91 điểm = 04 SV	5.000.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 22 SV	27.500.000
* Đề nghị xét cấp HB cho 48 SV đạt tỷ lệ 4,06 %	Số tiền được cấp = 82.125.000

Tổng cộng = 109.625.000 đồng

3 . Khóa 2019T4 - Trung cấp (3N) - Tổng số = 1878 Sinh viên

* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = 148 SV tỷ lệ 7,88%

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = 33 SV	70.125.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.20 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 25 SV	31.250.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.66 điểm và rèn luyện ≥ 90 điểm = 03 SV	3.750.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 87 SV	108.750.000
* Đề nghị xét cấp HB cho 61 SV đạt tỷ lệ 3,25 %	Số tiền được cấp = 105.125.000

Tổng cộng = 213.875.000 đồng

4 . Khóa 2018T2 Trung cấp (1N3) - Tổng số = 37 Sinh viên

* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = 22 SV tỷ lệ 59,46%

✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 9.37 điểm và rèn luyện ≥ 87 điểm = 01 SV	2.125.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.45 điểm và rèn luyện ≥ 75 điểm = 02 SV	2.500.000
✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = 19 SV	23.750.000
* Đề nghị xét cấp HB cho 03 SV đạt tỷ lệ 8,11 %	Số tiền được cấp = 4.625.000

Tổng cộng = 28.375.000 đồng

5 . Khóa 2019T2 Trung cấp (1N3) - Tổng số = 176 Sinh viên* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = **01 SV** tỷ lệ **0,57 %**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.38 điểm và rèn luyện ≥ 90 điểm = **01 SV****1.250.000*** Đề nghị xét cấp HB cho **01 SV** đạt tỷ lệ **0,57 %**

Số tiền được cấp =

1.250.000**Tổng cộng = 1.250.000 đồng****II. Đối với khóa 2018, 2019 (C1, C3 và C4)****1 . Khóa 2017C1 Cao đẳng (2,5N) - Tổng số = 1829 Sinh viên**

* Trong HKI/2019-2020 Khóa 2017C1 học không đủ 15 tín chỉ nên không xét học bổng

2 . Khóa 2018C1 Cao đẳng (2,5N) - Tổng số = 2348 Sinh viên* Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = **42 SV** tỷ lệ **1.79%**

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = **03 SV****7.125.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.09 điểm và rèn luyện ≥ 73 điểm = **07 SV****10.500.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.73 điểm và rèn luyện ≥ 90 điểm = **06 SV****9.000.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = **26 SV****39.000.000**

* Đề nghị xét cấp HB cho SV đạt tỷ lệ %, cụ thể:

Số tiền được cấp =

26.625.000**Tổng cộng = 65.625.000 đồng****3 . Khóa 2019C1 Cao đẳng (2,5N) - Tổng số = 2483 Sinh viên*** Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = **289 SV** tỷ lệ **11,64%**

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.20 điểm và rèn luyện ≥ 96 điểm = **01 SV****2.750.000**✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = **43 SV****102.125.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = **30 SV****45.000.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 90 điểm = **24 SV****36.000.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = **191 SV****286.500.000*** Đề nghị xét cấp HB cho **98 SV** đạt tỷ lệ **3,95 %**

Số tiền được cấp =

185.875.000**Tổng cộng = 472.375.000 đồng****4 . Khóa 2019C3 Cao đẳng (Chất lượng cao) - Tổng số = 93 Sinh viên*** Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = **15 SV** tỷ lệ **16,13%**

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.22 điểm và rèn luyện ≥ 86 điểm = **02 SV****4.750.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = **13 SV****19.500.000*** Đề nghị xét cấp HB cho **02 SV** đạt tỷ lệ **2,15 %**

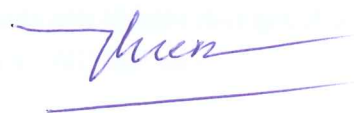
Số tiền được cấp =

4.750.000**Tổng cộng = 24.250.000 đồng****5 . Khóa 2019C4 Cao đẳng (Trọng điểm quốc tế) - Tổng số = 18 Sinh viên*** Số lượng sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào danh sách xét học bổng = **12 SV** tỷ lệ **66,67%**

Trong đó:

✓ SV đạt học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 điểm và rèn luyện ≥ 80 điểm = **05 SV****11.875.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.57 điểm và rèn luyện ≥ 78 điểm = **01 SV****1.500.000**✓ SV đạt học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 điểm và rèn luyện ≥ 70 điểm = **06 SV****9.000.000*** Đề nghị xét cấp HB cho **06 SV** đạt tỷ lệ **33,33 %**

Số tiền được cấp =

13.375.000**Tổng cộng = 22.375.000 đồng****TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV****Lê Xuân Thiện**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THANH TRA GIÁO DỤC - CTSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU HỌC SINH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC NGHỀ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020**

S TT	KHỐI	Tổng số HSSV	Xuất sắc	Số tiền	%	Giỏi	Số tiền	%	Khá	Số tiền	%	Cộng HB	Chiếm %	Số tiền Học bổng	Ghi chú	GT
1	2017 T4 (TC)	664	1	2.500.000	0,15	11	23.375.000	1,66	27	33.750.000	4,07	39	5,87	59.625.000		10
2	2018 T4 (TC)	1182	3	7.500.000	0,25	21	44.625.000	1,78	46	57.500.000	3,89	70	5,92	109.625.000		32
3	2019 T4 (TC)	1878	0	-	0,00	33	70.125.000	1,76	115	143.750.000	6,12	148	7,88	213.875.000		66
4	2018 T2 (TC)	37	0	-	0,00	1	2.125.000	2,70	21	26.250.000	56,76	22	59,46	28.375.000	TN-HKI/19-20	1
5	2019 T2 (TC)	176	0	-	0,00	0	-	0,00	1	1.250.000	0,57	1	0,57	1.250.000		0
6	2018 C1 (CĐ)	2348	0	-	0,00	3	7.125.000	0,13	39	58.500.000	1,66	42	1,79	65.625.000		10
7	2019 C1 (CĐ)	2483	1	2.750.000	0,04	43	102.125.000	1,73	245	367.500.000	9,87	289	11,64	472.375.000		45
8	2019 C3 (CLC)	93	0	-	0,00	2	4.750.000	2,15	13	19.500.000	13,98	15	16,13	24.250.000		0
9	2019 C4 (TĐQT)	18	0	-	0,00	5	11.875.000	27,78	7	10.500.000	38,89	12	66,67	22.375.000		0
	TỔNG CỘNG	8.879	5	12.750.000	0,06	119	266.125.000	1,34	514	718.500.000	5,79	638	7,19	997.375.000		164

* Khóa 2017C1 = 1829 SV Tốt nghiệp HKI/2019-2020 (Không đủ tín chỉ để xét)

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

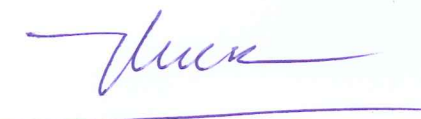
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2020

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU HỌC SINH SINH ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC NGHỀ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020**

S TT	KHỐI	Tổng số HSSV	Xuất sắc	Số tiền	%	Giỏi	Số tiền	%	Khá	Số tiền	%	Cộng HB	Chiếm %	Số tiền Học bổng	Ghi chú	GT
1	2017 T4 (TC)	664	1	2.500.000	0,15	11	23.375.000	1,66	8	10.000.000	1,20	20	3,01	35.875.000		4
2	2018 T4 (TC)	1182	3	7.500.000	0,25	21	44.625.000	1,78	24	30.000.000	2,03	48	4,06	82.125.000		25
3	2019 T4 (TC)	1878	0	-	0,00	33	70.125.000	1,76	28	35.000.000	1,49	61	3,25	105.125.000		33
5	2018 T2 (TC)	37	0	-	0,00	1	2.125.000	2,70	2	2.500.000	5,41	3	8,11	4.625.000	TN-HKI/19-20	0
4	2019 T2 (TC)	176	0	-	0,00	0	-	0,00	1	1.250.000	0,57	1	0,57	1.250.000		0
9	2018 C1 (CĐ)	2348	0	-	0,00	3	7.125.000	0,13	13	19.500.000	0,55	16	0,68	26.625.000		5
6	2019 C1 (CĐ)	2483	1	2.750.000	0,04	43	102.125.000	1,73	54	81.000.000	2,17	98	3,95	185.875.000		17
7	2019 C3 (CLC)	93	0	-	0,00	2	4.750.000	2,15	0	-	0,00	2	2,15	4.750.000		0
8	2019 C4 (TĐQT)	18	0	-	0,00	5	11.875.000	27,78	1	1.500.000	5,56	6	33,33	13.375.000		0
	TỔNG CỘNG	8.879	5	12.750.000	0,06	119	266.125.000	1,34	131	180.750.000	1,48	255	2,87	459.625.000		84

* Khóa 2017C1 = 1828 SV Tốt nghiệp HKI/2019-2020 (Không đủ 15 tín chỉ để xét)

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện